

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN,
THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ THỰC HIỆN TẠI MỘT CỬA ĐIỆN TỬ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-KDK01-H
	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.

- QTNB: Quy trình nội bộ.

- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2017/NĐ-CP, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân. - Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP.	x	
5.3.2	Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.		x
5.3.3	Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.		x

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	88 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Trình lãnh đạo Phòng - Lưu trữ hồ sơ
		Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện	08 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Văn phòng HĐND - UBND huyện	Cán bộ Văn Phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:do
 cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện...xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-KDK02-H
	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.			
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.			
5.3	Thành phần hồ sơ		Bản chính	Bản sao
5.3.1	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;		x	
5.3.2	Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả

Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Trình lãnh đạo Phòng - Lưu trữ hồ sơ
		Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện	04 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Văn phòng HĐND - UBND huyện	Cán bộ Văn Phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 12	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
 Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:do
 cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

.....,ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-KDK03-H
	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.			
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Giấy chứng nhận đủ điều kiện Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.			
5.3	Thành phần hồ sơ		Bản chính	Bản sao
5.3.1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ

Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Trình lãnh đạo Phòng - Lưu trữ hồ sơ
		Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện	04 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Văn phòng HDND - UBND huyện	Cán bộ Văn Phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 12	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
 Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:do
 cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....,ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN01-H
	Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; - Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 23 (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương);	x	
5.3.2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh		x

	nghiep hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;			
5.3.3	Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;			X
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	88 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	08 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế -	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ.

	Hạ tầng			- Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 23	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 23 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC 23

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương (1)(2)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Phòng Công Thương (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...(4) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN02-H
	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;			
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; - Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;			
5.3	<table><tr><th>Thành phần hồ sơ</th><th>Bản chính</th><th>Bản sao</th></tr></table>	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao		
5.3.1	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;	x		

5.3.2	Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;			x
5.3.3	Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	88 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	08 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Phê duyệt kết quả

Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 46	Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 46 theo mẫu (kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC 46

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Công Thương...(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)

.....(2)....

...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)
 - Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(6)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN03-H
	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; - Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Trường hợp Giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực		

5.3.1.1	Hồ sơ cấp lại như đối với trường hợp cấp mới;	x		
5.3.2	Trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:			
5.3.2.1	Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)	x		
5.3.2.2	Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	88 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ

		Chuyên viên	08 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 52	Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC 52

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:; Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Công Thương (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...(4) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

4. Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN04-H
	Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.	x	
5.3.2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.		x
5.3.3	Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường		x

	hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.			
5.3.4	Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc (80 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	48 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	08 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng	Cán bộ phụ	04 giờ	- Đóng dấu

	Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	trách văn phòng		- Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP.....⁽¹⁾.....Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....⁽⁵⁾.....

.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....⁽⁶⁾..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- ⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- ⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- ⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- ⁽⁵⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.
- ⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

5. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN05-H
	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;	x	
5.3.2	Bản sao giấy phép đã được cấp;		x
5.3.3	Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.		x

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	04 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số do cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày tháng năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....**2. Bổ sung:**⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

6. Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN06-H
	Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:		
5.3.1.1	Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.	x	
5.3.2	Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:		
5.3.2.1	Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);	x	

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	04 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại giấy phép(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...Giấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾..

.....⁽³⁾.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số⁽³⁾/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

7. Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ rượu

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN07-H
	Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật - Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. - Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.	x	
5.3.2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.		x
5.3.3	Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.		x
5.3.4	Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu,		x

	thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.			
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc (80 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	48 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	08 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	08 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện

Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân
--------	----------------------------	---------------------	--	------------------------------------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020
của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

.....⁽⁶⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

8. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN08-H
	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật - Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. - Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;	x	
5.3.2	Bản sao Giấy phép đã được cấp;		x
5.3.3	Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.		
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp		

	lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ
		Chuyên viên	04 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Phê duyệt kết quả
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện
Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Giấy phép.....⁽¹⁾... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....⁽³⁾... đề nghị⁽²⁾... xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾..., với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....

2. Bổ sung:⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

9. Thủ tục Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN09-H
	Thủ tục Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật - Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. - Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn hiệu lực:		
5.3.1.1	Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới;	x	
5.3.2	Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất, bị hỏng: Thành phần hồ sơ, bao gồm:		
5.3.2.1	Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;	x	

5.3.2.2	Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có);			x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.				
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc (56 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).				
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ tài chính.				
5.8	Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả	
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận	04 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	
Bước 2	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Duyệt hồ sơ - Chuyển cho chuyên viên xử lý	
		Chuyên viên	36 giờ	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Xử lý, thẩm định hồ sơ - Soạn, in Giấy cấp phép - Lưu trữ hồ sơ	
		Chuyên viên	04 giờ	- Tham mưu kết quả và trình lãnh đạo phê duyệt	
Bước 3	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo Phòng	04 giờ	- Phê duyệt kết quả	
Bước 4	Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Cán bộ phụ trách văn phòng	04 giờ	- Đóng dấu - Gửi kết quả về cơ quan chuyên môn vào sổ. - Chuyển Bộ phận TN&TKQ Huyện	

Bước 5	Bộ phận TN&TKQ Huyện	Cán bộ Tiếp nhận		- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân
--------	----------------------------	---------------------	--	------------------------------------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (theo ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Giấy phép bán lẻ rượu cấp lại
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020
của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép⁽¹⁾.....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số docấp ngày tháng..... năm;

Giấy phép.....⁽¹⁾... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾...đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

....⁽³⁾..... đề nghị ..⁽²⁾.... xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾..., với lý do cụ thể như sau:..⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

10. Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN10-H
	Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi. - Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).	x	
5.3.2	Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh		x

	cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).				
5.3.3	01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;			x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ				
5.5	Thời gian xử lý: 04 ngày làm việc (32 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).				
5.7	Lệ phí: Không quy định				
5.8	Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả	
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	CB Tiếp nhận	Không tính thời gian	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	
Bước 2	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo Phòng	Không tính thời gian	Duyệt hồ sơ chuyển chuyên viên	
		Chuyên viên	Không tính thời gian	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát. - Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu thương nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì thương nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký. - Lưu trữ hồ sơ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
----	---------	--------------

1	Mẫu Phụ lục số 01	Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.
----------	-------------------	---

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

Tên đơn vị thực hiện **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
đăng ký giá **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)
(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			

E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
đăng ký giá Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
A	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
B	<i>Chi phí vật liệu</i>				
C	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
D	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
Đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
E	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				

	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

11. Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-LTHHTN11-H
	Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Ngày BH	/....../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.

- QTNB: Quy trình nội bộ.

- PHÒNG KT/KTHT: Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi. - Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BCT.	x	
5.3.2	Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo		x

	mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BCT.			
5.3.3	01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Không quy định			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ Huyện	CB Tiếp nhận	Không tính thời gian	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo Phòng	Không tính thời gian	Duyệt hồ sơ chuyển chuyên viên
		Chuyên viên	Không tính thời gian	- Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát. - Lưu trữ hồ sơ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu Phụ lục số 02	Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3

2	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.
3	Số theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

Phụ lục số 2: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá hàng hóa,
dịch vụ bán trong nước

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:
- Số điện thoại liên lạc:
- Email:
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Phụ lục số 3: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ**Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

V/v thông báo mức giá điều chỉnh
tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ bán
trong nước trong phạm vi 5% so với
mức giá đã kê khai liên kế trước đó

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức năng bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liên kế trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai giá:
- Số điện thoại liên lạc:
- Email:
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ
TRONG NƯỚC

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai/thông báo liên kê trước	Mức giá thông báo	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

UBND HUYỆN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB-CNĐP-01H
	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.

- QTNB: Quy trình nội bộ.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện về việc Ban hành quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh An Giang. - Căn cứ Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016. - Căn cứ Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể: - Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm); - Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn; - Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; - Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường; - Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

	+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất; + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường; + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ; + Tiêu chí khác.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
5.3.1	Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (Mẫu số 1);	x		
5.3.2	Bảng thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (Mẫu số 2); Kèm theo 03 ảnh màu, cỡ ảnh tối thiểu (10x15)cm của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);	x		
5.3.3	Bản sao (có công chứng) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;		x	
5.3.4	Bản sao (có công chứng) các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác;		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả

Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện	CB Tiếp nhận	08 giờ	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - Chuyển hồ sơ
Bước 2	Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện	Chuyên viên	08 giờ	- Tổng hợp hoàn thiện hồ sơ - Tham mưu lãnh đạo Phòng
Bước 3	Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện	Lãnh đạo Phòng	16 giờ	- Tham mưu trình UBND cấp huyện thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện và tham mưu Hội đồng bình chọn thành lập Ban Giám khảo
Bước 4	UBND cấp huyện	Lãnh đạo cấp huyện	24 giờ	- Quyết định Thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.
Bước 5	Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện	Lãnh đạo Phòng	16 giờ	- Tham mưu Hội đồng thành lập Ban Giám khảo.
Bước 6	Hội đồng bình chọn	Ban Giám khảo	104 giờ	- Ban Giám khảo chấm điểm sản phẩm tham gia bình chọn
Bước 7	Hội đồng bình chọn	Hội đồng bình chọn	40 giờ	- Họp Hội đồng, đánh giá trên cơ sở kết quả của Ban Giám khảo. Biểu quyết thống nhất kết quả bình chọn
Bước 8	Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện	Lãnh đạo Phòng	24 giờ	- Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện (Phó Chủ tịch Hội đồng) Trình UBND huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
Bước 9	Phòng Kinh tế/Kinh tế -	Lãnh đạo Phòng		- Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện tham mưu

	Hạ tầng cấp huyện			UBND cấp huyện tổ chức Lễ tôn vinh, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
--	-------------------	--	--	---

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục số 1	Đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	- Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện do UBND huyện ký. - Thông báo Kết quả bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện do lãnh đạo UBND huyện ký hoặc Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng ký.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

Phụ lục số 1**(Tên Cơ sở CNNT)**

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**☐ cấp Huyện ☐ cấp Tỉnh ☐ cấp Khu vực ☐ cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thônTên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*):

.....

Tên viết tắt (*nếu có*):Mã số (*nếu có*):

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

☐ Công ty cổ phần☐ Doanh nghiệp tư nhân☐ Trung tâm☐ Công ty TNHH☐ Hợp tác xã☐ Cơ sở sản xuất☐ Hộ kinh doanh☐ Khác (*ghi rõ loại hình*):

Tài khoản số:Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng:Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh(*nếu có*)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuấtTên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*).....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:

Ngày cấp, nơi cấp:

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*):

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (*bằng số VNĐ/người*):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:

☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;

☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;

☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

☐ Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ

☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí

☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm): ...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2**(Tên Cơ sở CNNT)**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện:; Chức vụ:

Điện thoại:; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:**

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn:

Năm tham gia bình chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn:

Năm tham gia bình chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn:

Năm tham gia bình chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm(nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kế sau năm bình chọn:.....

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước.....%.

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu.....%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng

☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn

☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Đánh giá khác (ghi chi tiết):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm

☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp

☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất

☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường

☐ Đánh giá khác (ghi chi tiết):.....

.....

.....

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước.....%.

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước.....%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm.....

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))